TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày: 21-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công.

Ông La Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/HSST-QĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Thành S, sinh năm 1970 tại Campuchia; nơi đăng ký thường trú: Phường 4, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Lưu Thị N (đã chết); có vợ là Bùi Thị Ngọc B và 02 con; tiền án: năm 1998 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt 30 tháng tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy"; năm 2003 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội "Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy" và tội "Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức"; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19-3-2019 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Huỳnh Minh T; vắng mặt.

+ Phùng Đức H; vắng mặt.

+ Chu Xuân Q; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ ngày 16-5-2014, Lê Thành S giao cho Huỳnh Minh T, sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh 02 gói ma túy (trong đó: 01 gói bên trong chứa 03 gói nhỏ) và chiếc xe mô tô biển số 54V2-9323 kêu Tuấn đi từ quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh đến huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương bán cho Phùng Đức H, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái với giá 3.000.000 đồng. S trả công cho T 500.000 đồng. Khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày, khi T đang chuẩn bị giao ma túy cho H tại khu vực trước Công ty R thuộc ấp S, xã U (nay là khu phố S, thị trấn U), huyện B, tỉnh Bình Dương thì bị Công an huyện Bàu Bàng bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 02 gói nilon chứa ma túy, 01 xe mô tô biển số 54V2-9323, 01 điện thoại Nokia 1280, số tiền 200.000 đồng của Huỳnh Minh T.

Qua quá trình điều tra, Phùng Đức Hạnh khai nhận quen biết S từ cuối năm 2013 thông qua người bạn tên H (không rõ lai lịch). Trong thời gian quen biết nhau, H thường gọi vào số điện thoại 01883377799 của S mua ma túy khoảng 10 lần, mỗi lần từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng tại phòng trọ của S tại quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh và S đem ma túy đến huyện B, tỉnh Bình Dương bán cho H. S khai do trước đây S chạy xe ôm tại khu vực bến xe Miền Đông, Thành phố Hồ Chí Minh và có chở H một lần nên quen biết với H và cho số điện thoại liên lạc. S khai nhận đây là lần đầu tiên bán ma túy cho H.

Quá trình điều tra, Chu Xuân Q, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: khu 11, xã H, huyện B, tỉnh Phú Thọ; tạm trú: ấp C, xã L, huyện B. Q khai nhận mua ma túy của S từ 04-05 lần, S là người trực tiếp đem ma túy tới Khu công nghiệp Bàu Bàng bán cho Q mỗi lần từ 200.000 đồng -500.000 đồng. Ngày 16-5-2014, S điện thoại cho Q hỏi Q có mua ma túy không, Q đồng ý mua 400.000 đồng thì S nói với Q: "chờ có thằng em đem ma túy lên Bàu Bàng giao cho Q". Tuy nhiên, S không thừa nhận việc này, S khai không quen biết với Q. Huỳnh Minh T cũng không khai nhận được S kêu đi giao ma túy cho Q.

Tại bản kết luận giám định số 476/GĐ-PC54 ngày 20/5/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương và kết luận số 568/C54(P7) ngày 21/01/2015 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận chất ma túy trong 02 túi gửi đến giám định tổng trọng lượng 2,3921g heroin, có hàm lượng lần lượt là 53,8% và 55,9%. Túi thứ nhất (ký hiệu M1) có trọng lượng sau giám định là 2.1543g, túi thứ hai (ký hiệu M2) có trọng lượng sau giám định là 0.0909g.

Ngày 12-3-2015, Huỳnh Minh T bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng xét xử tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án số 12/2015/HSST.

Khi biết Huỳnh Minh T bị bắt, Lê Thành S bỏ trốn, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng ra lệnh truy nã, đến ngày 19-3-2019 S bị bắt.

Sau khi bị bắt, Lê Thành S khai nhận thuê Huỳnh Minh T đem ma túy lên huyện Bàu Bàng bán cho Phùng Đức H vào ngày 16-5-2014 là lần đầu tiên, ngoài ra không bán ma túy cho H lần nào khác. S khai không quen biết Chu Xuân Q, S không bán ma túy cho Q.

Cơ quan điều tra triệu tập Huỳnh Minh T, Phùng Đức H, Chu Xuân Q để làm việc, đối chất làm rõ mâu thuẫn với lời khai của bị can S nhưng xác minh tại nơi cư trú các đối

tượng trên đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, không làm việc, đối chất được. Vì vậy chưa đủ căn cứ kết luận bị can S phạm tội nhiều lần.

Đối với vật chứng của vụ án đã được giải quyết xong tại Bản án số 12/2015/HSST ngày 12-3-2015 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng.

Bản cáo trạng số 22/QĐ – KSĐT ngày 14 tháng 6 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lê Thành S về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Về vật chứng: Đã được giải quyết xong tại Bản án số 12/2015/HSST ngày 12-3-2015 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nên không đặt ra xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, không có ý kiến gì về kết luận giám định, quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Do tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 có hiệu lực thi hành đồng thời các quy định của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 không có lợi hơn Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xem xét áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo khai nhận: vào lúc 18 giờ, ngày 16-5-2014 Lê Thành S thuê Huỳnh Minh T đem 02 gói ma túy có tổng trọng lượng

2,3921g (heroin) có hàm lượng lần lượt là 53,8% và 55,9% đi từ quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đến trước Công ty R thuộc ấp S, xã U (nay là khu phố S, thị trấn U), huyện B, tỉnh Bình Dương bán cho Phùng Đức H với giá 3.000.000 đồng. S trả công cho T 500.000 đồng. Khi T chuẩn bị giao ma túy cho H thì bị Công an huyện Bàu Bàng bắt quả tang. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, nội dung bản cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi trên của bị cáo Lê Thành S đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn nhận thức được ma túy là một loại độc chất nguy hiểm, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, là mầm mống làm lan truyền các căn bệnh truyền nhiễm khác, ma túy còn là một trong những tác nhân gây kích thích thực hiện tội phạm khác. Bị cáo biết rõ rằng Nhà nước ta nghiêm cấm việc mua bán trái phép chất ma túy dưới mọi hình thức, bất kỳ ai có hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng chỉ vì ham muốn của bản thân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, để thực hiện hành vi vi phạm.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo từng bị kết án, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý là trường hợp "tái phạm" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: không có.

[6] Từ những phân tích trên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục, răn đe nhằm giúp cho bị cáo trở thành người công dân tốt có ích và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong tại Bản án số 12/2015/HSST ngày 12-3-2015 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41 /2017/QH14 ngày 20 tháng 6

năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thì hành tạm giữ tạm giam số 94/2015/QH13.

Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Thành S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lê Thành S 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19-3-2019.

2. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong, không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Ngân